Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7202.93.00

Mã HS	7202.93.00
Mô tả hàng hóa	Hợp kim fero / - Loại khác: / - - Fero - niobi
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 15:36:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/72029300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10962
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10962
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10962
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10962
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10269
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10220
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10220
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10220
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10220
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10220
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10220
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10272
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10272

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10272
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10272
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10272
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10272
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10273
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10273
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10273
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10273
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10273
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10273
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10274
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10226
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10232
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10232
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10232
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10232
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10232
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10232
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10257
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10257
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10257
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10257
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10257
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10257
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10310
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10310

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10310
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10310
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10310
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10310
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10295
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10295
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10295
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10295
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10295
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10295
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10295
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10295
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10295
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10295
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10295
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10295
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10312
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10312
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10312
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10312
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10312
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10312
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10311
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10311
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10311
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10311

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10311
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10311
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10252
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10252
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10252
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10252
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10252
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10252
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10252
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10289
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10289
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10289
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10289
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10289
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10289
RCEP B	2022	2022	0	B!D10289
RCEP B	2023	2023	0	B!E10289
RCEP B	2024	2024	0	B!F10289
RCEP B	2025	2025	0	B!G10289
RCEP B	2026	2026	0	B!H10289
RCEP B	2027	2027	0	B!I10289
RCEP C	2022	2022	0	C!D10289
RCEP C	2023	2023	0	C!E10289
RCEP C	2024	2024	0	C!F10289
RCEP C	2025	2025	0	C!G10289
RCEP C	2026	2026	0	C!H10289

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10289
RCEP D	2022	2022	0	D!D10288
RCEP D	2023	2023	0	D!E10288
RCEP D	2024	2024	0	D!F10288
RCEP D	2025	2025	0	D!G10288
RCEP D	2026	2026	0	D!H10288
RCEP D	2027	2027	0	D!I10288
RCEP E	2022	2022	0	E!D10292
RCEP E	2023	2023	0	E!E10292
RCEP E	2024	2024	0	E!F10292
RCEP E	2025	2025	0	E!G10292
RCEP E	2026	2026	0	E!H10292
RCEP E	2027	2027	0	E!I10292
RCEP F	2022	2022	0	F!D10289
RCEP F	2023	2023	0	F!E10289
RCEP F	2024	2024	0	F!F10289
RCEP F	2025	2025	0	F!G10289
RCEP F	2026	2026	0	F!H10289
RCEP F	2027	2027	0	F!I10289
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9512
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9512
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9512
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9512

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản > Hợp kim sắt (hợp kim Fero). Gồm: Hợp kim sắt Mangan; Hợp kim sắt Silic; Hợp kim sắt Silic - Mangan; Hợp kim sắt Crôm; Hợp kim sắt Silic - Crôm; Hợp kim sắt Niken; Hợp kim sắt Molipden; Hợp kim sắt Vonfram và hợp kim Silic - Vonfram; Hợp kim sắt khác (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7202.93.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7202.93.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10962), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.